

Bản án số: 40/2017/DS-ST

Ngày: 08-9-2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐST - DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim Th (có mặt)

Trú tại: ấp T, thị trấn S, huyện Th, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (có mặt)

Trú tại: ấp H, thị trấn S, huyện Th, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn D (có mặt)

Trú tại: ấp T, thị trấn S, huyện Th, tỉnh Hậu Giang

- Người làm chứng: Ông Trần Hoàng M (vắng mặt)

Trú tại: ấp H, thị trấn S, huyện Th, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Th trình bày: Ngày 30/4/2014 âm lịch, ông T có mượn của bà 15.000.000 đồng để ông T đáo hạn Ngân hàng (không làm biên nhận), đến khi bán cam sẽ trả lại, nhưng đến nay ông T không trả. Bà yêu cầu ông T trả tiền gốc và lãi từ ngày 30/4/2014 âm lịch đến ngày 30/4/2017 là 36 tháng, bà tính 30 tháng, mỗi tháng lãi suất 1%, tiền lãi là 4.500.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu bị đơn trả cho bà 19.500.000 đồng.

Tại các lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông không có vay tiền của bà Th. Ông và chồng bà Th là ông Hồ Văn D có hợp đồng mua bán cam lá vào năm 2014 với số tiền 130.000.000 đồng, trả làm hai đợt. Đợt một, ông trả cho ông D 100.000.000 đồng, ông không nhớ ngày tháng nào, khi trả ông D có cho lại ông 15.000.000 đồng tiền rải phân. Đợt hai trả 30.000.000 đồng, ông D bớt 10.000.000 đồng, chỉ lấy 20.000.000 đồng, đến nay hợp đồng đã thực hiện xong. Ông không vay tiền của bà Th nên không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn D trình bày: Ngày 30/4/2014 âm lịch, ông T trả cho ông 100.000.000 đồng tiền thuê cam lá. Sau đó, ông T có hỏi mượn ông 15.000.000 đồng, ông có nói với bà Th là cho ông T mượn 15.000.000 đồng và bà Th đưa cho ông T 15.000.000 đồng để ông T đáo hạn Ngân hàng (không làm biên nhận), đến khi bán cam sẽ trả lại, nhưng đến nay ông T không trả. Bà Th yêu cầu trả tiền là đúng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017, người làm chứng ông Trần Hoàng M trình bày: Ông và ông T có hùn lại mua cam lá của ông D với số tiền 130.000.000 đồng, trả làm hai đợt, đợt một trả 130.000.000 đồng, đợt hai trả 30.000.000 đồng. Ông T có nhận của vợ chồng bà Th 15.000.000 đồng, nhưng ai là người trực tiếp đưa tiền cho ông T, ông không biết, vì lúc đó ông ngồi xa. Ông cũng không biết 15.000.000 đồng là tiền gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã mượn, nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1] Bà Th, ông D và bị đơn khai thống nhất nhau là bị đơn có nhận 15.000.000 đồng sau khi bị đơn trả tiền mua bán cam lá là 100.000.000 đồng. Tuy

nhiên, bà Th cho rằng do ông T mượn 15.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng, nên bà là người đưa tiền cho ông T mượn. Ông T thì cho rằng Ông D là người đưa tiền cho ông 15.000.000 đồng để hỗ trợ ông mua phân rãi cam. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ thể hiện; ông T thừa nhận có nhận tiền của ông D 15.000.000 đồng, ông D, bà Th cho rằng đây là tiền của vợ chồng ông, bà. Nên bà Th khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền. Nếu chứng minh ông T có nghĩa vụ trả nợ, thì ông chỉ có nghĩa vụ trả nợ có một lần cho bà Th hoặc ông D, vì quyền lợi của bà Th và ông D là thống nhất nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng; các đương sự khai giữa ông D và ông T có hợp đồng mua bán cam lá với nhau, có làm giấy tay, hiện tại hợp đồng mua bán cam lá đã thực hiện xong. Theo vợ chồng của nguyên đơn thì ngày nhận 100.000.000 đồng cũng là ngày cho ông T mượn tiền. Ông T thì không nhớ ngày tháng nhận 15.000.000 đồng, nhưng cho rằng ngày ký hợp đồng cũng là ngày ông giao 100.000.000 đồng và nhận hỗ trợ 15.000.000 đồng. Ông T cho rằng ông D cho ông 15.000.000 đồng để mua phân, thì tại sao khi giao kết hợp đồng nếu thấy cây trồng trên đất không tốt và giá 130.000.000 đồng là cao thì ông T có quyền thỏa thuận trong hợp đồng giá mua bán là 115.000.000 đồng, chứ ông ký hợp đồng 130.000.000 đồng rồi cho rằng ông D hỗ trợ lại 15.000.000 đồng là không phù hợp.

Mặt khác, tại phiên tòa, ông T còn cho rằng, ông hùn với ông M bỏ ra mỗi người 65.000.000 đồng để mua cam lá của ông D, lẽ ra nếu cho rằng ông D hỗ trợ 15.000.000 đồng để rãi phân, thì tiền này ông T và ông M cùng được thụ hưởng, nhưng ông M khai không biết tiền 15.000.000 đồng là tiền gì. Đã vậy, ông T còn khai rằng khi trả tiền lần hai là 30.000.000 đồng (ông M là người đưa tiền) ông D có bớt 10.000.000 đồng, ông và ông M mỗi người chia 5.000.000 đồng. Từ đó cho thấy, nếu lần trả 100.000.000 đồng, ông D có hỗ trợ 15.000.000 đồng thì ông M phải biết, và ông D nếu có hỗ trợ tiền rãi phân thì hỗ trợ chung cho ông M và ông T, chứ không thể chỉ hỗ trợ cho ông T, mà bản thân ông M không biết. Ông T còn cho rằng, nếu ông D cho ông mượn tiền thì phải có biên nhận, nếu không thì là tiền hỗ trợ. Tuy nhiên, theo lời khai của vợ chồng nguyên đơn và lời thừa nhận của ông T tại Tòa, thì khi ông T giao 100.000.000 đồng tiền mua bán cam lá, các bên cũng không làm biên nhận. Nếu số tiền 100.000.000 đồng có làm biên nhận, nhưng số tiền 15.000.000 đồng không làm biên nhận, thì lập luận của ông T là có cơ sở. Nhưng số tiền 100.000.000 đồng cũng không làm biên nhận, thì lý lẽ mà bị đơn đưa ra là thiếu thuyết phục.

Ông T thừa nhận có nhận 15.000.000 đồng thì ông phải trả, và từ những phân tích đánh giá chứng cứ nêu trên, có căn cứ để khẳng định ông T có mượn tiền của vợ chồng nguyên đơn chứ không phải là tiền hỗ trợ.

[2] Về lãi suất: Nguyên đơn cho rằng bị đơn mượn 15.000.000 đồng vào ngày 30/4/2014 âm lịch hứa bán cam xong sẽ trả, nhưng nguyên đơn không chứng minh được ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là khi nào và lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu, nên xác định hợp đồng vay này là không có lãi. Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này...”*. Nguyên đơn không chứng minh được ngày đến hạn trả nợ là ngày nào, mà lại yêu cầu tính lãi từ ngày nhận tiền đến nay 30 tháng là không phù hợp.

Từ những nhận định trên nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí cho phần không được chấp nhận là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Th.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà Nguyễn Kim Th 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 750.000 đồng. Bà Nguyễn Kim Th phải chịu là 300.000 đồng, chuyển 487.500 đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã đóng

theo biên lai số 0009729 ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí, bà Th được nhận lại 187.500 đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh